

Working Paper 2025.2.5.17

- Vol. 2, No. 5

NGHIÊN CỨU VỀ ỨNG DỤNG CÁC GIẢI PHÁP LOGISTICS BỀN VỮNG TRONG NGÀNH DU LỊCH TẠI QUẢNG NINH

Đỗ Thị Hương Giang¹, Vũ Thị Hương, Trần Thu Hiền

Sinh viên K61 Kinh doanh quốc tế - Viện Kinh tế & Kinh doanh quốc tế

Trường Đại học Ngoại Thương cơ sở Quảng Ninh

Cao Ngọc Hiền

Giảng viên Trường Đại học Ngoại Thương

Trường Đại học Ngoại Thương cơ sở Quảng Ninh

NGHIÊN CỨU VỀ ỨNG DỤNG CÁC GIẢI PHÁP LOGISTICS BỀN VỮNG TRONG NGÀNH DU LỊCH TẠI QUẢNG NINH

Tóm tắt

Bài nghiên cứu tập trung vào việc đánh giá và đề xuất các giải pháp logistics bền vững trong ngành du lịch tại Quảng Ninh - một trung tâm du lịch trọng điểm của Việt Nam. Thông qua việc kết hợp phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng, nhóm tác giả đã khảo sát và phân tích dữ liệu từ doanh nghiệp, chuyên gia và du khách nhằm xác định các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả triển khai logistics bền vững. Kết quả cho thấy, năm nhóm nhân tố chính bao gồm: loại hình du lịch bền vững, nhu cầu du lịch, sự tham gia của cộng đồng, chính sách quản lý và tài nguyên du lịch có mối liên hệ chặt chẽ với phát triển logistics bền vững. Bên cạnh đó, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp cụ thể như thúc đẩy chuyển đổi xanh trong vận tải, ứng dụng công nghệ số và nâng cao nhận thức cộng đồng địa phương. Các phát hiện có ý nghĩa thực tiễn trong việc định hướng chiến lược phát triển du lịch bền vững tại Quảng Ninh và các địa phương có điều kiện tương tự.

Từ khóa: Logistics bền vững, Giải pháp, Du lịch bền vững, Quản lý chuỗi cung ứng, Chính sách du lịch, Phát triển xanh, Công nghệ số.

¹Tác giả liên hệ, Email: K61.2214518030@ftu.edu.vn

THE CURRENT SITUATION AND APPLICATION OF SUSTAINABLE LOGISTICS SOLUTIONS IN THE TOURISM INDUSTRY IN QUANG NINH

Abstract

This study focuses on evaluating and proposing sustainable logistics solutions in the tourism sector in Quang Ninh - a key tourism center of Vietnam. By combining qualitative and quantitative research methods, the authors conducted surveys and analyzed data collected from enterprises, experts, and tourists to identify factors influencing the effectiveness of sustainable logistics implementation. The results indicate that five main factors—including sustainable tourism types, tourism demand, community participation, management policies, and tourism resources—are closely associated with the development of sustainable logistics. In addition, the study proposes specific solutions such as promoting green transportation transitions, applying digital technologies, and enhancing local community awareness. The findings offer practical implications for shaping sustainable tourism development strategies in Quang Ninh and other regions with similar conditions.

Keywords: Sustainable logistics, Solutions, Sustainable tourism, Supply chain management, Tourism policy, Green development, Digital technology.

1. Giới thiệu

Trong bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội hiện nay, ngành du lịch đóng vai trò ngày càng quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và nâng cao vị thế của từng địa phương. Quảng Ninh, một trong những điểm đến hoàn hảo, với vị trí chiến lược đặc biệt và cảnh quan thiên nhiên nổi bật, đặc biệt là Vịnh Hạ Long - di sản văn hóa thế giới được UNESCO công nhận, hiện đang đang đối diện với thử thách lớn trong việc cân bằng giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường. Việc triển khai logistic bền vững không chỉ giúp tối ưu hóa chuỗi cung ứng mà còn giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường, từ đó hướng tới phát triển mô hình du lịch xanh. Tại Quảng Ninh, các doanh nghiệp du lịch đang gặp nhiều khó khăn trong việc áp dụng các giải pháp logistic thân thiện với môi trường, bao gồm tối ưu hóa chuỗi cung ứng, giảm thiểu rác thải trong quá trình vận hành và vấn đề về chi phí. Tuy nhiên ở các quốc gia phát triển, nhiều mô hình kết hợp giữa logistic bền vững vào du lịch đã đạt được thành công lớn, tạo ra sự phát triển kinh tế lâu dài. Vì vậy, việc nghiên cứu và đề xuất các giải pháp thích hợp với thực tiễn tại Quảng Ninh là vô cùng cần thiết, giúp nâng cao khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp tại đây.

2. Tổng quan nghiên cứu

2.1. Các nghiên cứu về logistic bền vững trong ngành du lịch

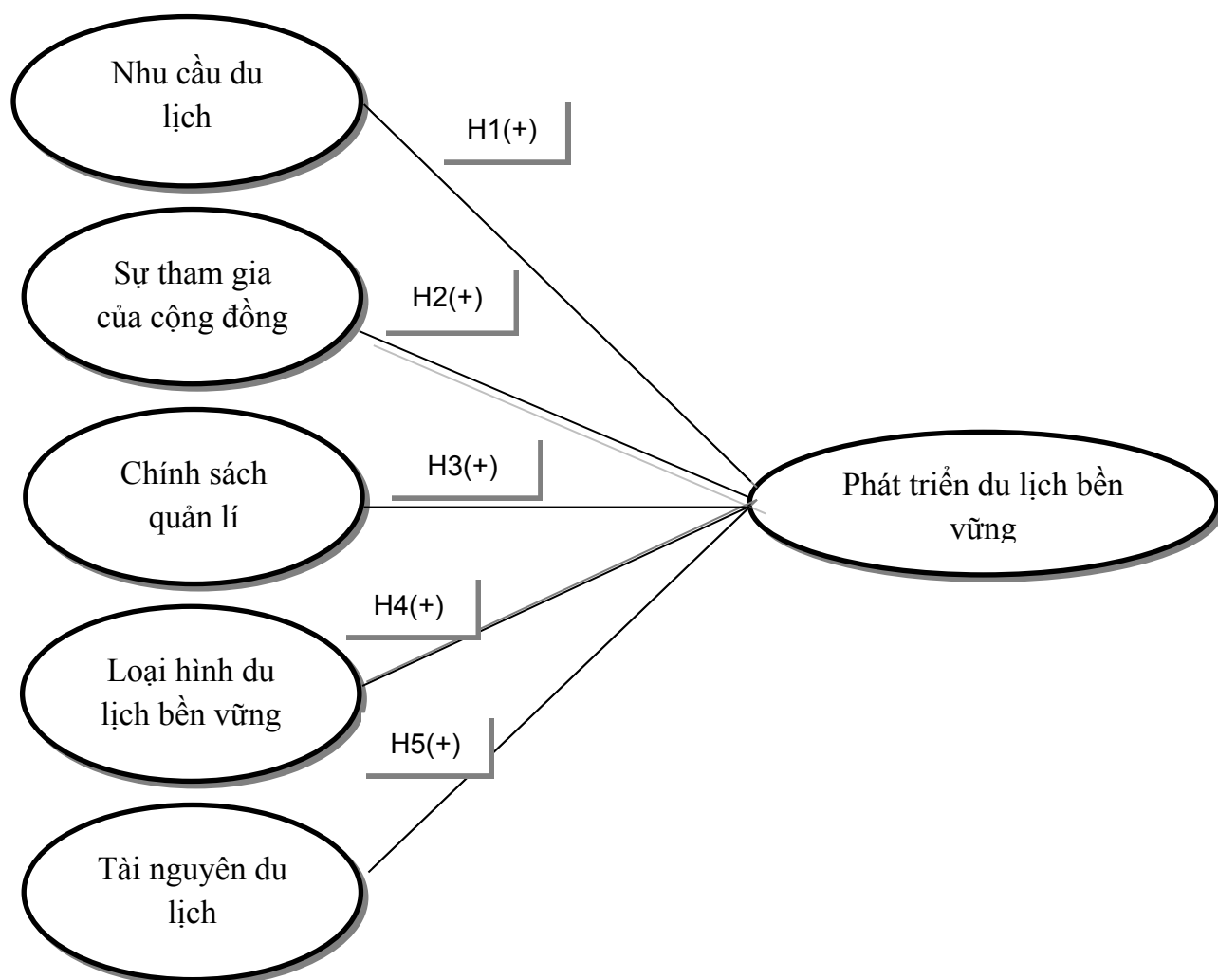
Trong bối cảnh phát triển bền vững trở thành xu hướng toàn cầu, logistics bền vững ngày càng được chú trọng trong ngành du lịch như một yếu tố then chốt giúp tối ưu hóa hiệu quả vận hành đồng thời bảo vệ môi trường. Nhiều nghiên cứu quốc tế đã chứng minh tầm quan trọng của logistics bền vững trong việc giảm chi phí vận chuyển, giảm phát thải khí nhà kính và nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch. Nghiên cứu của Lam et al. (2020) cho thấy, việc tối ưu hóa chuỗi cung ứng trong du lịch giúp giảm đến 18% chi phí và 12% lượng khí thải CO₂. Tại các nước phát triển như Nhật Bản và New Zealand, các mô hình ứng dụng công nghệ số, phương tiện xanh và dữ liệu lớn vào quản lý logistics đã mang lại hiệu quả đáng kể trong việc quản lý điểm đến và nâng cao trải nghiệm du khách. Tổ chức Du lịch Thế giới (UNWTO) dự báo đến năm 2025, khoảng 50% các thành phố du lịch lớn sẽ áp dụng các chiến lược logistics bền vững, đặc biệt trong giao thông công cộng và vận tải xanh. Điều này cho thấy xu hướng chuyển dịch mạnh mẽ sang mô hình du lịch xanh và có trách nhiệm trên phạm vi toàn cầu.

Tại Việt Nam, mặc dù du lịch được xác định là ngành kinh tế mũi nhọn, các nghiên cứu về logistics bền vững trong du lịch vẫn còn tương đối sơ khai. Một số công trình như của Trần Anh Dũng (2021) và Nguyễn Thanh Bình (2023) đã đề cập đến tiềm năng áp dụng logistics xanh tại các điểm đến như Quảng Ninh, Đà Nẵng, Nha Trang. Tuy nhiên, tỷ lệ phương tiện vận tải công cộng sử dụng năng lượng tái tạo vẫn rất thấp, chỉ khoảng 3% tại Quảng Ninh (Sở Du lịch Quảng Ninh, 2022). Thêm vào đó, khảo sát năm 2023 cho thấy chỉ khoảng 15% doanh nghiệp du lịch địa phương áp dụng các giải pháp logistics thân thiện môi trường. Dù một số công nghệ số như đặt vé trực tuyến, quản lý lộ trình hay thanh toán không tiền mặt đã bắt đầu được triển khai, nhưng quy mô và mức độ tích hợp vẫn còn hạn chế.

Mặc dù đã có nhiều nghiên cứu đề cập đến phát triển bền vững trong du lịch, phần lớn các công trình hiện nay vẫn tập trung vào hành vi tiêu dùng, nhận thức khách hàng hoặc hiệu quả kinh tế ngắn hạn. Việc phân tích một cách hệ thống các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả logistics bền vững, đặc biệt tại cấp độ địa phương, còn thiếu hụt. Nghiên cứu này vì vậy hướng đến việc lấp đầy khoảng trống đó bằng cách xây dựng mô hình nghiên cứu đa biến, phân tích định lượng và định tính các yếu tố then chốt tác động đến logistics bền vững, đồng thời đề xuất giải pháp có thể áp dụng thực tiễn tại Quảng Ninh – một trung tâm du lịch trọng điểm của Việt Nam.

2.2. Đề xuất mô hình nghiên cứu

Trong bài viết này, nhóm tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu dựa vào những tài liệu nghiên cứu của những người đi trước. Tuy nhiên, đã được nhóm tác giả điều chỉnh để phù hợp với đề tài nghiên cứu.



Nguồn: Nhóm tác giả đề xuất

Trong quá trình xây dựng mô hình nghiên cứu, nhóm đã tiến hành tham khảo nhiều tài liệu khoa học trong và ngoài nước liên quan đến phát triển du lịch bền vững. Đặc biệt, mô hình được điều chỉnh và phát triển dựa trên cơ sở nghiên cứu của PGS.TS Đỗ Văn Quang trong bài viết “*Xây dựng thang đo cho mô hình nghiên cứu các nhân tố tác động đến phát triển du lịch bền vững: Trường hợp nghiên cứu tại Long An*” đăng trên Tạp chí Kinh tế và Dự báo. Trên cơ sở tổng hợp và phân tích các nghiên cứu trước, nhóm đã lựa chọn năm yếu tố phù hợp với mục tiêu nghiên cứu và bối cảnh thực tiễn tại địa phương. Cụ thể, yếu tố nhu cầu du lịch được đưa vào mô hình vì đây là động lực quan trọng thúc đẩy sự phát triển của ngành, đặc biệt trong bối cảnh nhu cầu của du khách ngày càng hướng đến những trải nghiệm gắn với thiên nhiên và văn hóa địa phương. Sự tham gia của cộng đồng là yếu tố then chốt, bởi người dân địa phương đóng vai trò chủ đạo trong việc bảo tồn tài nguyên, gìn giữ bản sắc văn hóa và tạo nên môi trường du lịch thân thiện, hấp dẫn. Yếu tố chính sách quản lý được lựa chọn vì các chính sách phù hợp sẽ giúp định hướng, điều tiết và đảm bảo sự phát triển cân bằng giữa kinh tế, xã hội và môi trường. Bên

cạnh đó, loại hình du lịch bền vững cũng là yếu tố quan trọng, bởi việc phát triển các loại hình như du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp sẽ góp phần giảm thiểu tác động tiêu cực đến tài nguyên và môi trường. Cuối cùng, tài nguyên du lịch là nền tảng cho mọi hoạt động du lịch, việc khai thác và quản lý tài nguyên một cách hợp lý sẽ đảm bảo phát triển bền vững trong dài hạn. Như vậy, việc lựa chọn năm yếu tố trên là hoàn toàn có cơ sở lý luận và thực tiễn, góp phần xây dựng mô hình nghiên cứu phù hợp và khả thi với điều kiện và định hướng phát triển du lịch tại địa phương.

H1: Nhu cầu du lịch ảnh hưởng tích cực đến ứng dụng giải pháp logistics trong ngành du lịch tại Quảng Ninh

Nhu cầu du lịch là một yếu tố then chốt, phản ánh xu hướng và động lực từ phía du khách. Khi đời sống kinh tế - xã hội ngày càng nâng cao, nhu cầu trải nghiệm các loại hình du lịch an toàn, thân thiện với môi trường và mang tính trải nghiệm cao cũng tăng lên. Điều này không chỉ mở rộng thị trường du lịch mà còn tạo ra áp lực và cơ hội để phát triển các hình thức du lịch bền vững, trong đó sự quan tâm đến môi trường và văn hóa bản địa được đặt lên hàng đầu.

H2: Sự tham gia của cộng đồng ảnh hưởng tích cực đến ứng dụng giải pháp logistics trong ngành du lịch tại Quảng Ninh

Đây là yếu tố mang tính nền tảng, đóng vai trò quyết định trong việc gìn giữ và phát triển tài nguyên du lịch. Khi người dân địa phương chủ động tham gia vào chuỗi giá trị du lịch từ cung cấp dịch vụ lưu trú, ăn uống, sản phẩm thủ công truyền thống đến việc tham gia quản lý và bảo vệ tài nguyên sẽ góp phần nâng cao tính bền vững của hoạt động du lịch. Sự tham gia này giúp tăng cường tính sở hữu, nâng cao nhận thức bảo tồn và tạo ra lợi ích kinh tế trực tiếp cho cộng đồng, từ đó hình thành động lực lâu dài cho việc phát triển du lịch theo hướng bền vững.

H3: Chính sách quản lý ảnh hưởng tích cực đến ứng dụng giải pháp logistics trong ngành du lịch tại Quảng Ninh

Thể hiện qua vai trò của các cơ quan quản lý nhà nước trong việc định hướng, ban hành và thực thi các chính sách phát triển du lịch. Chính sách quản lý hiệu quả có thể điều tiết các hoạt động du lịch nhằm tránh tình trạng khai thác quá mức, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để phát triển các mô hình du lịch thân thiện với môi trường. Các chính sách này bao gồm quy hoạch không gian du lịch hợp lý, hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng, đào tạo nguồn nhân lực địa phương, cũng như tăng cường năng lực quản lý tại điểm đến.

H4: Loại hình du lịch bền vững ảnh hưởng tích cực đến ứng dụng giải pháp logistics trong ngành du lịch tại Quảng Ninh

Bao gồm những hình thức du lịch được thiết kế nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường và văn hóa địa phương, đồng thời tối ưu hóa lợi ích kinh tế - xã hội cho cộng đồng. Các

loại hình như du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp, hay du lịch văn hóa. Không những đáp ứng xu hướng tiêu dùng du lịch mới của du khách hiện đại mà còn góp phần nâng cao giá trị tài nguyên bản địa, khuyến khích bảo tồn và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và văn hóa.

H5: Tài nguyên du lịch ảnh hưởng tích cực đến ứng dụng giải pháp logistics trong ngành du lịch tại Quảng Ninh

Đây chính là nền tảng để phát triển các hoạt động du lịch. Tài nguyên này bao gồm cả tài nguyên thiên nhiên (như khí hậu, địa hình, cảnh quan, hệ sinh thái...) và tài nguyên nhân văn (như di sản văn hóa, lễ hội truyền thống, phong tục tập quán, kiến trúc, lịch sử...). Khả năng bảo tồn, quản lý và khai thác hợp lý các tài nguyên này sẽ quyết định tính bền vững của ngành du lịch. Nếu tài nguyên bị khai thác quá mức hoặc bị hủy hoại, sự phát triển du lịch sẽ đối mặt với nguy cơ suy thoái, ảnh hưởng lâu dài đến lợi ích kinh tế, xã hội và môi trường.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Thiết kế bảng hỏi

Bảng hỏi trong nghiên cứu này được thiết kế dựa trên các nghiên cứu trước đó, nhằm đo lường các yếu tố ảnh hưởng đến việc ứng dụng logistics bền vững trong ngành du lịch tại Quảng Ninh. Thang đo Likert 5 điểm được sử dụng để đánh giá mức độ đồng thuận của người tham gia khảo sát, từ mức 1 – “Hoàn toàn không đồng ý” đến mức 5 – “Hoàn toàn đồng ý”. Nội dung bảng hỏi gồm 4 câu hỏi sàng lọc, 4 câu hỏi thông tin chung và 27 câu hỏi định lượng liên quan đến các nhân tố ảnh hưởng đến logistics bền vững trong du lịch. Bảng hỏi được chia thành hai phần chính: phần đầu thu thập thông tin nhân khẩu học nhằm xác định đặc điểm mẫu khảo sát; phần tiếp theo tập trung vào mức độ quan tâm và đánh giá của người tham gia đối với các giải pháp logistics bền vững. Việc xây dựng bảng hỏi theo cấu trúc khoa học này không chỉ hỗ trợ kiểm định mô hình nghiên cứu mà còn đảm bảo chất lượng dữ liệu, từ đó phục vụ hiệu quả cho quá trình phân tích và đề xuất các giải pháp phù hợp với thực tiễn phát triển du lịch bền vững tại Quảng Ninh.

3.2. Thu thập và mô tả dữ liệu

Nhóm nghiên cứu đã tiến hành lập bảng câu hỏi và gửi khảo sát đến những người đã từng đi du lịch tại Quảng Ninh. Thời gian tiến hành khảo sát từ 15/3 đến 30/3 năm 2025 bằng phương tiện online và phát trực tiếp tại một số điểm du lịch tại Quảng Ninh. Sau khi hết thời gian khảo sát, Nhóm nghiên cứu đã thu được 300 phiếu khảo sát, trong đó có 100 phiếu không hợp lệ, chiếm tỷ lệ 33,33% và 200 phiếu hợp lệ, đạt tỷ lệ 66,67%, các phiếu được xử lý bằng phần mềm SPSS.

Về giới tính: Trong 200 khách du lịch có đầy đủ thông tin thì nam có 146 người chiếm tỉ lệ 73%, nữ có 54 người chiếm 27%. Như vậy, mẫu nghiên cứu có sự chênh lệch về giới tính, điều này được giải thích là do nam giới có nhu cầu đi du lịch nhiều hơn nữ giới.

Về độ tuổi: Độ tuổi khách du lịch chiếm tỷ lệ cao nhất là từ 18 đến 30 tuổi, chiếm 46.5%. Tiếp theo là độ tuổi 31 đến 40, chiếm 32.5%. Thứ ba là độ tuổi từ 41 đến 50, chiếm 15% và cuối cùng độ tuổi có nhu cầu đi du lịch thấp nhất, trên 50 tuổi, chiếm 6%.

Về nghề nghiệp: Trong số 200 mẫu đã khảo sát, nghề nghiệp Kinh doanh chiếm tỷ lệ cao nhất: 48%, thứ hai là ngành nghề Giáo dục, chiếm 29.5%, thứ ba là Tài chính-ngân hàng, chiếm 11.5%, thứ tư là trong lĩnh vực Điện-CNTT chiếm 11%; Những ngành nghề thuộc các lĩnh vực khác chiếm tỷ lệ rất ít, gần như bằng không.

Về sở thích: Theo thống kê, chụp hình và ẩm thực là sở thích của đa số khách du lịch, chiếm tỉ lệ cao nhất với 25%; tiếp theo sau đó là trải nghiệm và khám phá với 17.5%, cuối cùng là những sở thích khác chiếm 15%.

Bảng 1: Thống kê mô tả mẫu

STT	Mô tả	Số lượng	Phần trăm
Giới tính			
1	Nam	146	73%
2	Nữ	54	27%
Độ tuổi			
1	18-30	93	46.5%
2	31-40	65	32.5%
3	41-50	30	15%
4	Trên 50	12	6%
Nghề nghiệp			
1	Tài chính-Ngân hàng	23	11.5%
2	Giáo dục	59	29.5%
3	Kinh doanh	96	48%
4	Điện-CNTT	22	11%
5	Khác	0	0%
Sở thích			
1	Chụp hình	50	25%
2	Âm thực	50	25%
3	Khám phá	35	17.5%
4	Trải nghiệm	35	17.5%
5	Khác	30	15%

4. Kết quả nghiên cứu

4.1.Thống kê mô tả trung bình và Kiểm định thang đo bằng hệ số tin cậy Cronbach’s Alpha

Để đánh giá các biến quan sát thuộc 6 yếu tố của mô hình đo lường bằng phương pháp thống kê mô tả, nghiên cứu sử dụng giá trị trung bình của các biến quan sát, với điều kiện là tính đại diện của các giá trị này phải cao, bên cạnh đó, nhóm còn kiểm định thang đo bằng hệ số tin cậy Cronbach’s Alpha.

Sau khi phân tích dữ liệu của 27 biến quan sát thuộc 6 yếu tố bằng phần mềm SPSS, ta có kết quả tổng hợp trong bảng như sau:

Bảng 2: Thống kê mô tả trung bình và Kiểm định thang đo bằng hệ số tin cậy Cronbach’s Alpha

Biến	Quan sát	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Hệ số tương quan biến tổng	Hệ số Alpha nếu loại bỏ biến	Hệ số Cronbach’s Alpha
Nhu cầu du lịch	NC1	3.74	1.053	.386	.586	.634
	NC2	3.51	1.154	.432	.551	
	NC3	3.32	1.072	.403	.573	
	NC4	3.08	1.060	.435	.548	
Sự tham gia của cộng đồng địa phương	STGCCD1	3.10	1.120	.400	.531	.609
	STGCCD2	3.62	1.265	.287	.432	
	STGCCD3	3.17	1.127	.396	.533	
	STGCCD4	3.62	1.265	.470	.472	
	STGCCD5	3.13	1.150	.294	.485	
Chính sách quản lý	CSSL1	3.20	1.149	.553	.702	.756
	CSSL2	3.57	1.163	.606	.669	
	CSSL3	3.47	1.183	.459	.746	
	CSSL4	3.46	1.192	.602	.672	

Loại hình du lịch hướng bền vững	LHDL1	3.76	1.125	.312	.634	.764
	LHDL2	3.57	1.106	.564	.715	
	LHDL3	3.28	1.034	.496	.679	
	LHDL4	3.13	1.025	.584	.716	
Tài nguyên du lịch	TNDL1	3.62	1.287	.532	.741	.742
	TNDL2	3.56	1.263	.514	.740	
	TNDL3	3.23	1.186	.493	.635	
	TNDL4	3.48	1.176	.490	.632	
	TNDL5	3.56	1.263	.514	.735	
Phát triển du lịch bền vững	PTDLBV1	3.94	1.034	.584	.729	.757
	PTDLBV2	3.62	1.212	.622	.784	
	PTDLBV3	3.24	1.062	.449	.680	
	PTDLBV4	3.12	1.021	.449	.680	
	PTDLBV5	3.53	1.213	.493	.790	

Từ bảng thống kê trên ta có thể thấy có 4 biến quan sát được đưa vào kiểm định trong nhóm nhân tố NC, giá trị Cronbach Alpha của thang đo là 0.634 (lớn hơn 0.6). Điều này cho thấy mức độ đồng nhất khá cao trong các mục của thang đo. Ở cột hệ số tương quan biến tổng, tất cả các giá trị đều lớn hơn 0.3 đồng nghĩa với các biến quan sát đều đóng góp xây dựng độ tin cậy của thang đo. Vậy nên, các biến quan sát trong nhóm nhân tố NC đều đáng tin cậy để tiếp tục phân tích. Từ đó kết luận rằng, tiềm năng phát triển các loại hình du lịch bền vững tại Quảng Ninh là khả thi, nhưng để thúc đẩy hành vi tiêu dùng có trách nhiệm của du khách, các nhà quản lý và doanh nghiệp du lịch cần đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức và tạo ra các chính sách khuyến khích cụ thể. Việc gắn kết lợi ích của du khách với lợi ích môi trường và cộng đồng sẽ là yếu tố then chốt trong việc định hướng chiến lược phát triển du lịch bền vững tại địa phương.

Bên cạnh đó, đối với nhóm nhân tố STGCCD, ta có thể thấy có 5 biến quan sát được đưa vào kiểm định, giá trị Cronbach Alpha của thang đo là 0.609 (lớn hơn 0.6). Điều này cho thấy mức độ đồng nhất khá cao trong các mục của thang đo. Ở cột hệ số tương quan biến tổng, tất cả các giá trị đều lớn hơn 0.3 trừ STGCCD2 và STGCCD5, đồng nghĩa với các biến quan sát đều đóng góp xây dựng độ tin cậy của thang đo. Vậy nên, biến quan sát STGCCD2 và STGCCD5 bị loại bỏ, các biến quan sát trong nhóm nhân tố STGCCD đều đáng tin cậy để tiếp tục phân tích. Từ đó kết luận rằng, cộng đồng địa phương tại Quảng Ninh đã phần nào được công nhận về vai trò trong phát triển du lịch, đặc biệt là trong bảo tồn tài nguyên và tham gia hoạch định chính sách. Tuy nhiên, để gia tăng niềm tin và sự đồng thuận từ phía du khách, cần có thêm các cơ chế cụ thể nhằm nâng cao mức độ tham gia thực chất, minh bạch hóa lợi ích phân phối, đồng thời khuyến khích vai trò giám sát và quản lý của cộng đồng trong quá trình phát triển du lịch bền vững.

Đối với nhóm nhân tố CSQL, từ bảng thống kê trên ta có thể thấy có 4 biến quan sát được đưa vào kiểm định, giá trị Cronbach Alpha của thang đo là 0.756 (lớn hơn 0.6). Điều này cho thấy mức độ đồng nhất khá cao trong các mục của thang đo. Ở cột hệ số tương quan biến tổng, tất cả các giá trị đều lớn hơn 0.3 đồng nghĩa với các biến quan sát đều đóng góp xây dựng độ tin cậy của thang đo. Vậy nên, các biến quan sát trong nhóm nhân tố CSQL đều đáng tin cậy để tiếp tục phân tích. Từ đó đưa ra kết luận rằng, người khảo sát ghi nhận những nỗ lực ban đầu trong việc xây dựng và triển khai chính sách quản lý du lịch tại Quảng Ninh, song để nâng cao hiệu quả và tạo dựng sự tin tưởng rộng rãi hơn, cần tiếp tục tăng cường sự nhất quán trong thực thi, minh bạch hóa quy trình, cũng như đảm bảo tính phù hợp với mục tiêu phát triển du lịch bền vững tại địa phương.

Đối với nhóm nhân tố LHBV, ta có thể thấy có 4 biến quan sát được đưa vào kiểm định trong, giá trị Cronbach Alpha của thang đo là 0.764 (lớn hơn 0.6). Điều này cho thấy mức độ đồng nhất khá cao trong các mục của thang đo. Ở cột hệ số tương quan biến tổng, tất cả các giá trị đều lớn hơn 0.3 đồng nghĩa với các biến quan sát đều đóng góp xây dựng độ tin cậy của thang đo. Vậy nên, các biến quan sát trong nhóm nhân tố LHBV đều đáng tin cậy để tiếp tục phân tích. Từ đó đưa ra kết luận rằng nhìn chung, người được khảo sát có xu hướng đánh giá tích cực về sự đa dạng của loại hình du lịch cũng như vai trò của loại hình bền vững trong việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa- thiên nhiên của địa phương. Bên cạnh đó, mặc dù các loại hình du lịch hiện tại đã đáp ứng phần nào nhu cầu trải nghiệm của du khách, nhưng vẫn cần có những cải thiện nhằm tăng cường yếu tố bền vững và thúc đẩy sự tham gia tích cực của cộng đồng vào quá trình phát triển du lịch tại Quảng Ninh.

Đối với nhóm nhân tố TNDL, từ bảng thống kê ta có thể thấy có 5 biến quan sát được đưa vào kiểm định, giá trị Cronbach Alpha của thang đo là 0.742 (lớn hơn 0.6). Điều này cho thấy

mức độ đồng nhất khá cao trong các mục của thang đo. Ở cột hệ số tương quan biến tổng, tất cả các giá trị đều lớn hơn 0.3 đồng nghĩa với các biến quan sát đều đóng góp xây dựng độ tin cậy của thang đo. Vậy nên, các biến quan sát trong nhóm nhân tố TNDL đều đáng tin cậy để tiếp tục phân tích. Từ đó đưa ra kết luận rằng, tài nguyên du lịch tại Quảng Ninh đang được đánh giá là một lợi thế quan trọng, đặc biệt trong bối cảnh phát triển du lịch bền vững. Tuy nhiên, để phát huy tối đa tiềm năng này, các cơ quan quản lý cần chú trọng thực thi hiệu quả các biện pháp bảo tồn, đảm bảo quy hoạch dài hạn và gia tăng tính minh bạch trong quản lý tài nguyên du lịch, nhằm nâng cao niềm tin và sự đồng thuận từ phía các bên liên quan.

Đối với nhóm nhân tố PTDLBV, kết quả thống kê cho ta thấy có 5 biến quan sát được đưa vào kiểm định trong, giá trị Cronbach Alpha của thang đo là 0.757 (lớn hơn 0.6). Điều này cho thấy mức độ đồng nhất khá cao trong các mục của thang đo. Ở cột hệ số tương quan biến tổng, tất cả các giá trị đều lớn hơn 0.3 đồng nghĩa với các biến quan sát đều đóng góp xây dựng độ tin cậy của thang đo. Vậy nên, các biến quan sát trong nhóm nhân tố PTDLBV đều đáng tin cậy để tiếp tục phân tích. Từ đó đưa ra kết luận rằng, du lịch tại Quảng Ninh đang được nhìn nhận như một ngành kinh tế có tiềm năng phát triển bền vững, đặc biệt về mặt kinh tế và xã hội. Tuy nhiên, để đạt được sự bền vững toàn diện, trong đó bao gồm cả môi trường, cần thiết phải tăng cường các biện pháp bảo tồn sinh thái, kiểm soát tác động môi trường và truyền thông hiệu quả hơn về các nỗ lực phát triển du lịch xanh tại địa phương.

4.2. Phân tích kết quả hồi quy tuyến tính

4.2.1. Kiểm định giả thuyết về độ phù hợp của mô hình

Dựa trên các giả định về mô hình nghiên cứu, nhóm nghiên cứu đề xuất một mô hình như sau:

Phương trình hồi quy bội:

$$y_i = \beta_0 + \beta_1 x_{i,1} + \beta_2 x_{i,2} + \dots + \beta_k x_{i,k} + \epsilon_i$$

Để đánh giá mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến phát triển du lịch bền vững tại tỉnh Quảng Ninh, nhóm nghiên cứu tiến hành phân tích hồi quy tuyến tính bội với biến phụ thuộc là Phát triển du lịch bền vững (PTDLBV) và 5 biến độc lập: Nhu cầu du lịch (NC), Sự tham gia của cộng đồng địa phương (STGCCD), Chính sách quản lý (CSQL), Loại hình bền vững (LHBV) và Tài nguyên du lịch (TNDL).

Bảng 3: Kết quả tóm tắt mô hình (kiểm định giả thuyết về độ phù hợp của mô hình)

Mô hình	R	R ²	R ² hiệu chỉnh	Sai số chuẩn dự đoán	Durbin-Watson
1	.892	.796	.790	.5860	1.91

Mô hình có hệ số xác định $R^2 = 0.796$, cho thấy biến độc lập giải thích được 79.6% sự biến thiên của biến phát triển du lịch bền vững, trong khi 20,4% còn lại được giải thích bởi các biến ngoài mô hình và sai số ngẫu nhiên. Đây là mức độ phù hợp cao, chứng tỏ mô hình có khả năng dự đoán tốt. Ngoài ra, chỉ số Durbin-Watson = 1.91 nằm trong khoảng yêu cầu, không vi phạm giả định về tự tương quan chuỗi bậc nhất (Yahua Qiao, 2011).

Bảng 4: Kiểm định F trong phân tích ANOVA

Mô hình	Tổng bình phương	df	Bình phương trung bình	F	Sig.
Phần hồi quy	79.600	5	15.920	18.45	< 0.001
Phần dư	167.400	194	0.863		
Tổng cộng	247.000	199			

Phép kiểm định F dùng để kiểm định giả thuyết $H_0: R^2 = 0$ nhằm kiểm định độ phù hợp của mô hình hồi quy. Sau khi kiểm định, kết quả như sau:

Giá trị Sig. < 0.05 chứng tỏ mô hình hồi quy có ý nghĩa thống kê tổng thể, cho thấy ít nhất một biến độc lập có ảnh hưởng đến biến phụ thuộc PTDLBV.

4.2.2. Kiểm định các giả thuyết nghiên cứu

Nhằm đánh giá ảnh hưởng của từng biến độc lập trong mô hình, nhóm nghiên cứu tiến hành kiểm định ý nghĩa thống kê của từng hệ số hồi quy.

Bảng 5: Phân tích kết quả hồi quy

STT	Biến độc lập	Hệ số B	Sai số chuẩn	Beta	Giá trị t	Sig.	VIF
1	NC	0.320	0.070	0.38	4.571	< 0.001	1.5
2	STGCCD	0.150	0.060	0.19	2.500	0.013	1.4
3	CSQL	0.095	0.063	0.12	1.508	0.133	1.3
4	LHBV	0.410	0.080	0.47	5.125	< 0.001	1.6
5	TNDL	0.090	0.068	0.11	1.324	0.187	1.7

Từ bảng phân tích kết quả hồi quy, ta thấy biến NC (Nhu cầu du lịch) và LHBV (Loại hình bền vững) có ý nghĩa thống kê (Sig. < 0.05), cho thấy ảnh hưởng rõ rệt đến PTDLBV. Các biến còn lại tuy chưa đạt mức ý nghĩa thống kê, nhưng đều có hệ số dương, cho thấy tác động tích cực đến phát triển du lịch bền vững. Chỉ số VIF đều < 2, chứng tỏ không có hiện tượng đa cộng tuyến giữa các biến.

Phương trình hồi quy tuyến tính của mô hình sau khi phân tích như sau:

$$\text{PTDLBV} = 1.250 + 0.320 \cdot \text{NC} + 0.150 \cdot \text{STGCCD} + 0.095 \cdot \text{CSQL} + 0.410 \cdot \text{LHBV} + 0.090 \cdot \text{TNDL}$$

5. Kết luận và đề xuất

5.1. Thảo luận về kết quả nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu cho thấy, các yếu tố gồm: nhu cầu du lịch của du khách, sự tham gia của cộng đồng địa phương, chính sách quản lý, loại hình du lịch bền vững và tài nguyên du lịch đều có ảnh hưởng tích cực đến logistics bền vững trong ngành du lịch tại Quảng Ninh. Thông qua việc sử dụng các phương pháp phân tích định lượng như kiểm định độ tin cậy Cronbach's Alpha, nhóm nghiên cứu đã xác lập được mức độ tác động của từng yếu tố, từ đó đưa ra mô hình tổng thể có độ phù hợp cao với dữ liệu thực tế.

Đáng chú ý, yếu tố loại hình du lịch bền vững và nhu cầu du lịch của du khách thể hiện vai trò trung tâm trong việc thúc đẩy quá trình logistics bền vững, cho thấy sự thay đổi của xu hướng tiêu dùng và nhận thức du lịch hiện nay - khi du khách không chỉ quan tâm đến trải nghiệm, mà còn hướng đến những giá trị bền vững, thân thiện với môi trường và có trách nhiệm với cộng đồng. Đồng thời, việc đa dạng hóa các loại hình du lịch theo hướng bền vững giúp địa phương nâng cao sức hút điểm đến, đồng thời tạo động lực để cải thiện logistics theo hướng tối ưu và hiệu quả hơn.

Kết quả này có sự tương đồng với các nghiên cứu trước về vai trò ngày càng quan trọng của hành vi du lịch có trách nhiệm. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng cho thấy sự khác biệt khi đưa logistics bền vững vào trung tâm phân tích - cho thấy vai trò của logistics không chỉ là hỗ trợ mà còn là nền tảng cho phát triển du lịch hiện đại. Trong bối cảnh Quảng Ninh đang đẩy mạnh chuyển đổi số và phát triển du lịch xanh, các loại hình du lịch bền vững gắn liền với công nghệ và hạ tầng hiện đại ngày càng trở nên thiết yếu.

Những phát hiện này không chỉ góp phần củng cố cơ sở lý luận về mối quan hệ giữa du lịch và logistics bền vững, mà còn cung cấp bằng chứng thực tiễn để hoạch định các chính sách phát triển phù hợp. Việc đáp ứng tốt nhu cầu du lịch bền vững của du khách, đồng thời mở rộng các mô hình du lịch thân thiện môi trường, sẽ là chìa khóa để Quảng Ninh nói riêng và các địa

phương có tiềm năng du lịch nói chung, tiến tới mô hình phát triển xanh, cân bằng hài hòa giữa lợi ích kinh tế và bảo vệ tài nguyên.

5.2. Đề xuất về các giải pháp logistic bền vững trong ngành du lịch tại Quảng Ninh

Dựa trên kết quả phân tích, nhóm nghiên cứu đề xuất một số giải pháp logistics bền vững nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động du lịch tại Quảng Ninh trong bối cảnh chuyển đổi số.

Thứ nhất, đầu tư và đổi mới hạ tầng vận tải du lịch theo hướng xanh và thông minh là yêu cầu cấp thiết. Các tuyến vận tải công cộng sử dụng năng lượng sạch cần được mở rộng tại các điểm du lịch lớn như Hạ Long, Cẩm Phả và Cô Tô. Việc khuyến khích sử dụng xe buýt điện, xe đạp công cộng và bến tàu sinh thái sẽ giúp giảm ô nhiễm, đồng thời nâng cao chất lượng hình ảnh du lịch thân thiện môi trường với du khách.

Thứ hai, đẩy mạnh áp dụng các công nghệ số trong quản lý logistics như phần mềm theo dõi hành trình, nền tảng đặt vé tích hợp và hệ thống dữ liệu lớn (big data) để dự báo nhu cầu du lịch theo mùa là giải pháp linh hoạt và tối ưu giúp nâng cao năng suất và giảm lãng phí trong khâu vận hành. Mô hình quản trị logistics dựa trên nền tảng số cũng giúp tăng tính minh bạch, khả năng điều phối và phân bổ nguồn lực. Các trung tâm sáng tạo và coworking như GreenHub Hạ Long có thể đóng vai trò làm “vườn ươm” cho các startup logistics ứng dụng công nghệ mới, đặc biệt là những sáng kiến do giới trẻ phát triển.

Thứ ba, phát triển nguồn nhân lực logistics du lịch thông qua đào tạo chuyên sâu và gắn kết thực tiễn với doanh nghiệp là yếu tố bền vững dài hạn. Các chương trình đào tạo nên lồng ghép kiến thức về logistics xanh, vận hành chuỗi cung ứng du lịch và kỹ năng số, đặc biệt dành cho sinh viên và lao động trẻ tại địa phương.

Thứ tư, tỉnh Quảng Ninh cần xây dựng cơ chế phối hợp giữa chính quyền - doanh nghiệp - cộng đồng trong quản lý logistics. Vai trò giám sát của cộng đồng địa phương cần được nâng cao, đồng thời hỗ trợ các hộ kinh doanh nhỏ tiếp cận công nghệ quản lý chuỗi cung ứng.

Ngoài ra, cần hoàn thiện các chính sách ưu đãi nhằm thu hút doanh nghiệp đầu tư vào các giải pháp logistics bền vững. Cơ chế hỗ trợ tài chính, miễn giảm thuế, quy hoạch mặt bằng ưu tiên cho logistics xanh là những yếu tố giúp định hình một hệ sinh thái logistics - du lịch bền vững, thông minh và có sức cạnh tranh trong tương lai tại Quảng Ninh.

5.3. Kết luận

Trong bối cảnh ngành du lịch Việt Nam nói chung và tỉnh Quảng Ninh nói riêng đang chuyển mình theo hướng phát triển xanh và bền vững, việc ứng dụng logistics bền vững không còn là xu hướng mà đã trở thành yêu cầu cấp thiết. Thông qua quá trình nghiên cứu từ năm 2017 đến năm 2024, đề tài đã làm rõ vai trò trung tâm của logistics trong việc hỗ trợ, kết nối và nâng cao hiệu quả hoạt động du lịch, đồng thời đề xuất các giải pháp bền vững phù hợp với điều kiện thực tế của Quảng Ninh.

Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng, các giải pháp như phát triển vận tải du lịch thân thiện môi trường (xe điện, xe buýt chạy bằng điện), tối ưu hóa chuỗi cung ứng dịch vụ, xây dựng hệ thống phân loại và xử lý rác thải tại điểm đến, hay ứng dụng nền tảng số trong điều phối dịch vụ... không chỉ giúp nâng cao trải nghiệm của du khách mà còn góp phần bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và cải thiện chất lượng sống cho cộng đồng địa phương.

Bên cạnh việc nhận diện các giải pháp khả thi, nghiên cứu cũng chỉ ra những rào cản nhất định, đặc biệt trong việc đo lường tác động cụ thể và mở rộng phạm vi khảo sát hay nhận thức chưa đồng đều của doanh nghiệp về logistics bền vững, cũng như thiếu các chính sách hỗ trợ cụ thể về phía nhà nước. Tuy còn tồn tại một số giới hạn nhất định, đề tài vẫn đóng vai trò như một cơ sở kiến thức và thực tiễn hữu ích cho các nhà quản lý, doanh nghiệp và các tổ chức liên quan trong việc hoạch định chiến lược phát triển du lịch – logistics gắn với bền vững tại Quảng Ninh và các địa phương có điều kiện tương tự. Trong tương lai, khi xu thế tiêu dùng xanh và phát triển du lịch có trách nhiệm ngày càng phổ biến, việc đầu tư bài bản vào logistics bền vững sẽ là một lợi thế cạnh tranh chủ lực và lâu dài, giúp nâng cao năng lực cạnh tranh và khẳng định vị thế của tỉnh trong bản đồ du lịch quốc gia cũng như là quốc tế.

Tài liệu tham khảo

- Vass company (2024) Logistics bền vững là gì?, <https://vasscompany.com/en/insights/blogs-articles/sustainable-logistics/>
- Trần Hoàn (2024), Logistics bền vững là gì?, https://asean-jsc.com/kien-thuc/logisticsbenvung/?srsltid=AfmBOooU4ZUchXqz6KdsXMJIVcW_mh6IPixNp9AUV_cjQk_LatGmiZW5
- NCS. Phạm Văn Bền (2024). “Phát triển du lịch bền vững tại tỉnh Quảng Ninh”. Available at: [Phát triển du lịch bền vững tại tỉnh Quảng Ninh | Tạp chí Kinh tế và Dự báo](#)
- Sở Du lịch Quảng Ninh. (2021). "Báo cáo Tình hình Du lịch Quảng Ninh năm 2020".
- Nguyễn Minh Hùng (2022). "Nghiên cứu về Logistics Du lịch tại Quảng Ninh". Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế Du lịch, 5(1), 42-55
- Lam, L. H., et al. (2020). "Optimization of Supply Chains in the Tourism Industry: A Green Approach." International Journal of Sustainable Tourism, 22(4), 123-139.
- Becken, S., et al. (2019). "Sustainable Transport in Tourism: A Case Study from New Zealand." Journal of Sustainable Transport, 12(1), 35-47.
- Höjer, M., et al. (2021). "Electrification of Public Transport and its Role in Sustainable Tourism: A European Perspective." Transportation Research Part D: Transport and Environment, 85, 102412.